

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2019.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**.
2. Bà **Trần Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V Xuyên tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Quân** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị N** – Sinh: 08-10- 1992.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao; Văn hóa: 6/12

Địa chỉ: Nguyễn Văn Q, tỉnh H

Hôm nay có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** – Sinh: 4-8- 1983.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Văn hóa: 4/12

Địa chỉ: Nguyễn Văn Q, tỉnh H

Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 08-12-2018 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là Chị **Đặng Thị N** trình bày: Chị N và anh T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Chị N và anh T chung sống với nhau từ tháng 7/2009, nhưng đến ngày 18-11-2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau hòa thuận, đến khoảng tháng 4/2017, vợ, chồng chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, anh T thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị N. Chị N và anh T từ tháng 7/2009 sống ly thân cho đến nay. Chị N xét thấy tình

cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm T, không thể khắc phục được nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh T để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung:

Cháu Nguyễn Văn A- Sinh ngày: 22-11-2009.

Cháu Nguyễn Văn Q- Sinh ngày: 09-12-2011.

Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 13-3-2019, ngày 22-3-2019 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung: Anh nhất trí với lời trình bày của Chị Đặng Thị N về việc vợ, chồng anh T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 7/2009, nhưng đến ngày 18-11-2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh H. Khoảng tháng 4/2017 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do chị N có quan hệ ngoài tình với người khác, anh T đi uống rượu về có đánh chị N và đã sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn, anh T không nhất trí, anh T mong chị N quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung:

Nguyễn Văn A- Sinh ngày: 22-11- 2009.

Nguyễn Văn Q- Sinh ngày: 09-12 - 2011.

Trường hợp phải ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và nhận nuôi hai cháu A, Q đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn, trường hợp phải ly hôn anh T nhận nuôi hai cháu A, Q đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp

hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Xuyên về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của Chị Đặng Thị N đối với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và Anh Nguyễn Văn T ly hôn.

3. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Văn A- Sinh ngày: 22-11-2009 và cháu Nguyễn Văn Q- Sinh ngày: 09-12-2011 cho chị Đặng Thị N. Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A và cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 07-5-2019.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của Chị Đặng Thị N về việc xin ly hôn với Anh Nguyễn Văn T được Tòa án nhân dân huyện Vị Xuyên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định từ cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-11-2011 tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh H, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2017 vợ, chồng chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn sống ly thân. Nguyên

nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, anh T thường xuyên uống rượu say về chửi bới, đánh đập chị N. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không chấp nhận yêu cầu của anh T đề nghị chị N về đoàn tụ gia đình.

[3] Về con chung:

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị N là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Văn A; Nguyễn Văn Q, chị N có công việc làm ổn định đảm bảo được cuộc sống cho hai cháu, cần phải giao cháu Nguyễn Văn A sinh ngày: 22-11-2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày: 09-12-2011 cho chị Đặng Thị N. Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện V trồng nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A và cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 07-5-2019.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh T nhận nuôi hai cháu cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày: 22-11-2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09-12-2011. Vì không phù hợp nguyện vọng của hai cháu.

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị N và Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của Chị Đặng Thị N đối với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và Anh Nguyễn Văn T ly hôn.

3. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Văn A- Sinh ngày: 22-11-2009 và cháu Nguyễn Văn Q- Sinh ngày 09-12-2011 cho chị Đặng Thị N. Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A và cháu Q trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 07-5-2019.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02122 ngày 14 tháng 12 năm 2018. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07-5-2019)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Đ - VX;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Anh Luyện

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Xuyên 2b;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Ngọc Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa